

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26-4-2023

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Cao Thị Hạ

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng: Ông Hà Văn Dồn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 30/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1957; nơi cư trú: 1/56 Lương Khánh Thiện, phường Cầu Đất, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; hiện ở: Unit 8, 7 Homestead, Bonnyrigg NSW 2177, Australia; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

- Bị đơn: Ông Phạm Thế T, sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn Xuyên Đông, xã Đại Bản, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà và ông Phạm Thế T kết hôn với nhau do tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ngày 24 tháng 7 năm 2015. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống cùng nhau tại thôn Xuyên Đông, xã Đại Bản, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng một thời gian ngắn sau đó bà Hiền quay về

sống ở Australia. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên xa cách nhau. Bà Hiền đã quay về Việt Nam để tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể khắc phục đoàn tụ được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Thế T.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Thế T không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Thế T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản ghi lời khai của bị đơn, ông Phạm Thế T trình bày:

Ông thống nhất về quá trình kết hôn giữa ông và bà Hiền. Sau khi kết hôn, bà Hiền quay trở lại Úc sinh sống còn ông vẫn ở địa phương. Bà Hiền có làm thủ tục bảo lãnh cho ông sang Úc nhưng không được. Từ đó đến nay ông và bà Hiền mỗi người một nơi. Nay bà Hiền xin ly hôn, quan điểm của ông hiện tại ông không đồng ý. Lý do ông không đồng ý vì giữa ông và bà Hiền còn một số vấn đề cần phải giải quyết. Ông đề nghị bà Hiền phải gặp hoặc gọi điện trao đổi cụ thể với ông, lúc đó ông sẽ xem xét có đồng ý ly hôn hay không. Về con chung: Ông bà không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Ông không đề nghị Tòa án giải quyết. Ông đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Thế T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa, tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, bà Hiền và ông Tào có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử vắng mặt bà Hiền và ông Tào là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận cuộc sống vợ chồng của bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Thế T không có hạnh phúc, hiện mỗi người sống một nơi, không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H. Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Thế T không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Thế T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn phải chịu án phí và các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xét thấy:

- *Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án ly hôn. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H hiện đang sinh sống tại Australia, bị đơn ông Phạm Thế T hiện đang sinh sống tại Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và bị đơn ông Phạm Thế T đều vắng mặt tại phiên tòa và có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- *Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Thế T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng vào ngày 24 tháng 7 năm 2015. Theo quy định tại Điều 8; Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, bà Hiền và ông Tọ chung sống với nhau một thời gian ngắn, sau đó bà Hiền trở về Australia sinh sống và làm việc. Bà Hiền và ông Tọ đều thừa nhận giữa hai người xảy ra nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, tính cách và sống xa nhau nhiều năm. Nay, bà Hiền nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn, ông Phạm Thế T cũng thống nhất với quan điểm của bà Nguyễn Thị H về thời điểm kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn. Ông Tọ trình bày ông sẽ đồng ý ly hôn nếu bà Hiền về nước giải quyết một số vấn đề riêng với ông, các vấn đề đó ông Tọ không trình bày rõ và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Thế T đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận đề nghị ly hôn của bà Nguyễn Thị H.

[4] Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Thế T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H, ông Phạm Thế T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 9, 14, 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 24 và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Phạm Thế T.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Thế T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Thế T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0006283 ngày 14 tháng 02 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Ông Phạm Thế T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Minh Nguyệt

Cao Thị Hạ

Bùi Thị Thúy Hà

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND TP Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thúy Hà

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thúy Hà